

Bài 1: Điền chữ Hán của các từ mang phiên âm dưới đây:

|         |  |
|---------|--|
| hěnmáng |  |
| mèimei  |  |
| bùdà    |  |
| nǐhǎo   |  |
| báimǎ   |  |

Bài 2: Dịch các câu/từ sau sang tiếng Việt:

1. 汉语不太难。 .....
2. 你忙吗? .....
3. 你哥哥好吗? .....
4. 英语不难。 .....

Bài 3: Đặt một ví dụ với các từ:

1. 很.....
2. 好.....
3. 妹妹.....
4. 马.....
5. 太.....

Bài 4: Ghi âm các từ mới bài 1, 2 gửi cho tui ^^